



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 12
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 40

31-C.7
AO DỊCH
G KHOA
NH PHO
CHÍ MINH
TP. HỒ C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 05/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3827 0527
- Fax : +84 (028) 3821 8010

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đông Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Bà Phạm Việt Lan Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Ngọc Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Việt Lan Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Bà Đoàn Thị Thu Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Bà Trương Thị Thùy Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018
Ông Trịnh Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Hiếu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0818/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		736.141.589.005	414.448.071.251
I.	Tài sản tài chính	110		734.649.082.177	413.316.113.778
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	80.201.639.342	30.935.101.547
1.1.	Tiền	111.1		24.503.096.236	7.659.669.236
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		55.698.543.106	23.275.432.311
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3a	28.875.713.400	164.349.369.050
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3c	2.558.786.879	59.398.624.444
4.	Các khoản cho vay	114	VI.3d	358.197.277.032	152.756.753.063
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	VI.3b	256.366.002.999	-
6.	Các khoản phải thu	117		6.096.839.298	3.255.149.681
6.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	VI.4	2.852.687.257	441.082.623
6.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	VI.4	3.244.152.041	2.814.067.058
6.2.1.	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		3.126.101.237	1.981.846.472
6.2.2.	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		118.050.804	832.220.586
7.	Trả trước cho người bán	118	VI.4	97.750.000	564.488.680
8.	Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	255.073.227	53.683.313
9.	Các khoản phải thu khác	122	VI.4	4.000.000.000	4.002.944.000
10.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.4	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		1.492.506.828	1.131.957.473
1.	Tạm ứng	131		10.385.900	-
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5a	1.482.120.928	1.131.957.473
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.777.729.185	25.108.819.722
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		5.000.000.000	5.000.000.000
1.	Các khoản đầu tư	212		5.000.000.000	5.000.000.000
1.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	VI.3c	5.000.000.000	5.000.000.000
II.	Tài sản cố định	220		16.965.657.250	17.810.701.951
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	7.903.685.303	8.152.955.664
	- Nguyên giá	222		17.255.766.490	16.199.370.490
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(9.352.081.187)	(8.046.414.826)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	9.061.971.947	9.657.746.287
	- Nguyên giá	228		28.515.230.894	27.754.930.894
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(19.453.258.947)	(18.097.184.607)
III.	Tài sản dài hạn khác	250		2.812.071.935	2.298.117.771
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.8	24.000.000	24.000.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5b	892.969.048	894.335.183
3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.9	1.895.102.887	1.379.782.588
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		760.919.318.190	439.556.890.973
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		327.128.533.852	76.484.705.053
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		324.585.972.592	32.350.323.783
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		305.412.412.320	20.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1. <i>Vay ngắn hạn</i>	312	VI.10a	305.412.412.320	20.000.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		719.921.812	379.217.592
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.11	4.466.359.233	6.052.005.630
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.12	5.227.931.789	3.994.482.023
5. Phải trả người lao động	323		220.126.625	-
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	24.384.680
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.13	8.534.220.813	1.900.233.858
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		5.000.000	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		2.542.561.260	44.134.381.270
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	42.500.000.000
1.1. <i>Vay dài hạn</i>	342	VI.10b	-	42.500.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	VI.14	2.542.561.260	1.634.381.270
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		433.790.784.338	363.072.185.920
I. Vốn chủ sở hữu	410		433.790.784.338	363.072.185.920
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
1.1. <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		360.000.000.000	360.000.000.000
a <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a	VI.15	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		36.001.589.663	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.292.836.280	98.206.965
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.292.836.280	98.206.965
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		35.203.522.115	2.875.771.990
5.1. <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	417.1		23.467.466.976	1.767.725.366
5.2. <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		11.736.055.139	1.108.046.624
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		760.919.318.190	439.556.890.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		37.959.974.568	37.959.974.568
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	VI.15	36.000.000	36.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	008		282.622.966.400	159.502.282.050
4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	009		2.618.750.000	4.847.087.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VII.1	2.137.272.585.270	3.396.608.131.520
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.961.708.158.370	3.381.697.261.520
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		32.302.249.700	1.828.920.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		19.520.550.000	
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		123.741.627.200	13.081.950.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		476.454.130	
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		476.454.130	
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		57.814.820.300	26.979.743.600
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	137.742.940
5. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.2	133.900.481.871	71.333.064.581
5.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		76.422.990.736	44.684.623.746
5.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	028		57.457.713.700	26.647.330.900
5.3. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		19.777.435	1.109.935
6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	VII.3	76.422.990.736	44.684.623.746
6.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		74.794.412.275	44.607.908.044
6.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		1.628.578.461	76.715.702
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	VII.3	19.777.435	1.109.935

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021


 Trần Thị Thúy Lan
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Phương Thảo
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Đức Hiếu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		99.219.347.230	81.604.060.782
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	31.535.148.482	24.736.374.167
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VIII.2	60.265.852.748	53.952.777.115
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	7.418.346.000	2.914.909.500
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VIII.3	7.105.933.924	6.981.999.441
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	18.036.222.161	11.175.419.791
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VIII.3	-	657.000.000
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	13.643.220.887	8.950.966.835
1.6. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VIII.4	4.200.000.000	3.500.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VIII.4	1.280.203.511	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	146.482.659	243.724.368
1.9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.4	12.000.000	941.082.623
1.10. Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	258.523.254	70.199.485
Cộng doanh thu hoạt động	20		143.901.933.626	114.124.453.325
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		58.361.519.744	53.346.210.937
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	8.734.972.632	7.565.340.173
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	VIII.2	49.626.547.112	45.780.870.764
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		2.538.786.880	-
2.3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		3.567.823.973	824.661.193
2.4. Chi phí hoạt động tự doanh	26		356.628.037	212.468.127
2.5. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VIII.5	12.316.305.820	7.919.956.654
2.6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	55.000.000
2.7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	162.000.000
2.8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		416.670.244	538.938.784
Cộng chi phí hoạt động	40		77.557.734.698	63.059.235.695
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	93.814
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		215.196.010	148.010.846
3.3. Doanh thu khác về đầu tư	44		10.273	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		215.206.283	148.104.660

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		92	36.708
4.2. Chi phí lãi vay	52		3.073.079.047	526.076.538
Cộng chi phí tài chính	60		3.073.079.139	526.113.246
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	86.725.001
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.6	23.821.604.585	16.531.105.707
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		39.664.721.487	34.069.378.336
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		1.465.665	790.188
8.2. Chi phí khác	72		15.000	3.309.041
Cộng kết quả hoạt động khác	80		1.450.665	(2.518.853)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		39.666.172.152	34.066.859.483
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		29.026.866.516	25.894.953.132
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		10.639.305.636	8.171.906.351
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		4.949.163.397	5.944.688.530
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.12	4.040.983.407	4.310.307.260
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	VI.14	908.179.990	1.634.381.270
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		34.717.008.755	28.122.170.953
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		36.001.589.663	-
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		36.001.589.663	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	VIII.7		
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501		964	781
			964	781

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Phương Thảo
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		39.666.172.152	34.066.859.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		2.196.709.797	(4.339.404.591)
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.6, 7	2.661.740.701	1.291.857.119
- Chi phí lãi vay	06		6.640.903.020	1.350.737.731
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	VIII.3	(6.987.883.120)	(6.149.778.855)
- Dự thu tiền lãi	08	VIII.3	(118.050.804)	(832.220.586)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		49.626.547.112	45.780.870.764
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VIII.2	49.626.547.112	45.780.870.764
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(60.265.852.748)	(53.952.777.115)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	VIII.2	(60.265.852.748)	(53.952.777.115)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(230.040.637.958)	(162.624.244.032)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		146.112.961.286	(11.597.077.707)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		56.839.837.565	(59.398.624.444)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(205.440.523.969)	(129.402.402.495)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(220.364.413.336)	29.377.974.732
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(2.411.604.634)	3.353.397.377
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(312.034.179)	(1.505.568.573)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(201.389.914)	12.248.810.632
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		2.944.000	567.989.351
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(58.967.519)	4.906.225.696
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		6.437.790.895	1.579.008.052
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(348.797.320)	113.698.899
- (-) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(3.739.373.909)	-
- (-) Lãi vay đã trả	44		(4.644.706.960)	(1.350.737.731)
- Tăng (giảm) phải trả người bán	45		(3.385.646.397)	1.532.977.630
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(24.384.680)	24.384.680
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		931.840.268	(573.681.939)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		220.126.625	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		345.704.220	(12.500.618.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(198.817.061.645)	(141.068.695.491)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	VI.6, 7	(1.816.696.000)	(18.549.840.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64	VI.3e	-	13.790.660.000
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	VIII.3	6.987.883.120	6.149.778.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		5.171.187.120	1.390.598.855
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		731.525.454.911	244.573.434.000
1.1. Tiền vay khác	73.2	VI.10a, b	731.525.454.911	244.573.434.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(488.613.042.591)	(182.073.434.000)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3	VI.10a, b	(488.613.042.591)	(182.073.434.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		242.912.412.320	62.500.000.000
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
	90		49.266.537.795	(77.178.096.636)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
- Tiền	101.1	VI.1	7.659.669.236	3.887.832.746
- Các khoản tương đương tiền	101.2		23.275.432.311	104.225.365.437
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
- Tiền	103.1	VI.1	24.503.096.236	7.659.669.236
- Các khoản tương đương tiền	103.2		55.698.543.106	23.275.432.311

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.489.144.991.910	2.445.517.107.500
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(5.128.016.258.660)	(2.702.458.076.260)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		733.853.429.279	260.808.961.980
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác	11		(32.433.412.739)	(18.768.369.369)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		29.371.054.520	220.518.814.649
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(29.352.387.020)	(220.518.819.449)
Tăng tiền thuần trong năm	20		62.567.417.290	(14.900.380.949)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	30	VII.2	71.333.064.581	86.233.445.530
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	31		71.333.064.581	86.233.445.530
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	32		44.684.623.746	86.232.330.795
	33		26.647.330.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.109.935	1.114.735
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VII.2	133.900.481.871	71.333.064.581
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		133.900.481.871	71.333.064.581
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		76.422.990.736	44.684.623.746
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		57.457.713.700	26.647.330.900
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		19.777.435	1.109.935

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Thảo
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm				Số dư cuối năm		Đơn vị: VND
		Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2020	Năm 2019		Năm 2020		Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
I. Biến động vốn chủ sở hữu										
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.13	360.000.000.000	360.000.000.000	-	-	-	-	360.000.000.000	360.000.000.000	
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000	-	-	-	-	360.000.000.000	360.000.000.000	
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	98.206.965	98.206.965	-	1.194.629.315	-	98.206.965	1.292.836.280	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	98.206.965	98.206.965	-	1.194.629.315	-	98.206.965	1.292.836.280	
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	VI.3e	7.797.625.268	-	24.518.188.053	32.315.813.321	45.713.109.663	9.711.520.000	-	36.001.589.663	
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(25.049.985.033)	2.875.771.990	52.633.893.548	24.708.136.525	78.621.761.165	46.294.011.040	2.875.771.990	35.203.522.115	
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(17.986.125.306)	1.767.725.366	21.350.787.388	1.596.936.716	31.200.670.600	9.500.928.990	1.767.725.366	23.467.466.976	
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(7.063.859.727)	1.108.046.624	31.283.106.160	23.111.199.809	47.421.090.565	36.793.082.050	1.108.046.624	11.736.055.139	
Cộng		342.747.640.235	363.072.185.920	77.348.495.531	57.023.949.846	126.724.129.458	56.005.531.040	363.072.185.920	433.790.784.338	
II. Thu nhập toàn diện khác										
1. Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		7.797.625.268	-	24.518.188.053	32.315.813.321	45.713.109.663	9.711.520.000	-	36.001.589.663	
Cộng		7.797.625.268	-	24.518.188.053	32.315.813.321	45.713.109.663	9.711.520.000	-	36.001.589.663	



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Thảo
Giám đốc Tài chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 05/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 02 năm 2021.

2. Địa chỉ liên hệ

Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi lần thứ 8 của Công ty ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2020.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

• Quy mô vốn:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 433.790.784.338 VND, tổng tài sản là 760.919.318.190 VND.

• Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

• Hạn chế đầu tư:

Công ty thực hiện theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung như sau:

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
- Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:
Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

6. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

7. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

8. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

9. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

10. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	06 - 08

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 8 năm.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Điều lệ của Công ty:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

18. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng trong đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4. Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.277.250	31.068.893
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	24.498.818.986	7.628.600.343
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	55.698.543.106	23.275.432.311
Cộng	<u>80.201.639.342</u>	<u>30.935.101.547</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
<i>Của Công ty</i>	35.420.145	1.160.533.005.259
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	33.419.070	847.054.431.500
Trái phiếu	2.001.075	313.478.573.759
Chứng khoán khác	-	-
<i>Của nhà đầu tư</i>	495.966.122	9.783.244.579.070
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	482.446.202	9.758.164.571.470
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	13.519.920	25.080.007.600
Cộng	531.386.267	10.943.777.584.329

3. Các loại tài sản tài chính**3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	28.900.103.856	28.875.713.400	163.241.919.546	164.349.369.050
MWG	657.000	713.400	325.688	342.000
PAC	28.899.446.856	28.875.000.000	5.543.622.060	3.662.500.000
Các cổ phiếu khác	-	-	157.697.971.798	160.686.527.050
<i>Cổ phiếu hủy niêm yết</i>	10.700.000	-	10.700.000	-
TRI	10.700.000	-	10.700.000	-
Cộng	28.910.803.856	28.875.713.400	163.252.619.546	164.349.369.050

3b. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
BBT	23.718.520.000	18.022.340.000	-	-
REE	55.329.430.000	64.660.013.000	-	-
TCB	48.715.000.000	63.000.000.000	-	-
VHM	49.858.000.000	58.175.000.000	-	-
Các cổ phiếu khác	42.743.463.336	52.508.649.999	-	-
Cộng	220.364.413.336	256.366.002.999	-	-

3c. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	2.558.786.879	59.398.624.444
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm ⁽ⁱ⁾	-	19.500.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	2.558.786.879	39.898.624.444
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn 6 năm của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	7.558.786.879	64.398.624.444

(i) Các hợp đồng tiền gửi Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam đã phong tỏa để đảm bảo cho hạn mức thầu chỉ của Công ty tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3d. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	321.039.927.921	321.039.927.921	147.638.852.683	147.638.852.683
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	37.157.349.111	37.157.349.111	5.117.900.380	5.117.900.380
Cộng	358.197.277.032	358.197.277.032	152.756.753.063	152.756.753.063

3e. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	28.910.803.856	28.875.713.400	56.400	35.146.856	28.875.713.400
1.	Cổ phiếu niêm yết	28.900.103.856	28.875.713.400	56.400	24.446.856	28.875.713.400
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	220.364.413.336	256.366.002.999	36.001.589.663	-	256.366.002.999
	Cộng	249.275.217.192	285.241.716.399	36.001.646.063	35.146.856	285.241.716.399

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	163.252.619.546	164.349.369.050	9.397.493.487	8.300.743.983	164.349.369.050
1.	Cổ phiếu niêm yết	163.241.919.546	164.349.369.050	9.397.493.487	8.290.043.983	164.349.369.050
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-	-	-
	Cộng	163.252.619.546	164.349.369.050	9.397.493.487	8.300.743.983	164.349.369.050

4. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính</i>	2.852.687.257	441.082.623
<i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	3.244.152.041	2.814.067.058
Phải thu cổ tức	-	136.890.000
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	3.126.101.237	1.844.956.472
Dự thu lãi tiền gửi	98.626.147	137.929.489
Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	19.424.657	694.291.097
<i>Trả trước cho người bán</i>	97.750.000	564.488.680
<i>Phải thu dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp</i>	255.073.227	53.683.313
Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán	145.505.970	22.858.439
Phải thu thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	109.567.257	13.014.510
Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	-	17.810.364
<i>Phải thu khác</i>	4.000.000.000	4.002.944.000
Ông Đoàn Quang Sang (phải thu khó đòi) ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khác	-	2.944.000
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Cộng	8.449.662.525	5.876.265.674

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản phải thu từ Ông Đoàn Quang Sang – cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung.

Ông Đoàn Quang Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 VND) cho người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra Bản án số 1145/2020/KDTM-ST tuyên xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc Ông Đoàn Quang Sang phải thanh toán số tiền 6.469.120.000 VND, bao gồm tiền nợ gốc 4.000.000.000 VND và các khoản khác với số tiền là 2.469.120.000 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty vẫn chưa nhận được số tiền nêu trên, Công ty đã trích lập đủ 100% giá trị khoản phải thu do Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 VND).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.758.331	15.400.000
Thuê văn phòng	564.300.000	752.400.000
Viễn thông, cước đường truyền	645.255.421	191.783.335
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	268.807.176	172.374.138
Cộng	1.482.120.928	1.131.957.473

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ, vật dụng văn phòng	367.504.535	411.627.045
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	318.381.502	392.016.146
Viễn thông, cước đường truyền, bảo trì	207.083.011	90.691.992
Cộng	892.969.048	894.335.183

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.504.630.490	1.462.040.000	232.700.000	16.199.370.490
Mua trong năm	1.056.396.000	-	-	1.056.396.000
Số cuối năm	15.561.026.490	1.462.040.000	232.700.000	17.255.766.490
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.136.392.277	-	170.000.000	7.306.392.277
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.808.505.842	24.367.334	213.541.650	8.046.414.826
Khấu hao trong năm	1.149.012.361	146.204.004	10.449.996	1.305.666.361
Số cuối năm	8.957.518.203	170.571.338	223.991.646	9.352.081.187
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.696.124.648	1.437.672.666	19.158.350	8.152.955.664
Số cuối năm	6.603.508.287	1.291.468.662	8.708.354	7.903.685.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.634.930.894	120.000.000	27.754.930.894
Mua sắm mới	295.000.000	465.300.000	760.300.000
Số cuối năm	27.929.930.894	585.300.000	28.515.230.894
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.309.166.894	-	17.309.166.894
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.083.184.607	14.000.000	18.097.184.607
Khấu hao trong năm	1.330.323.211	25.751.129	1.356.074.340
Số cuối năm	19.413.507.818	39.751.129	19.453.258.947
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.551.746.287	106.000.000	9.657.746.287
Số cuối năm	8.516.423.076	545.548.871	9.061.971.947

8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ taxi	18.000.000	18.000.000
Ký quỹ khác	6.000.000	6.000.000
Cộng	24.000.000	24.000.000

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.694.457.657	1.200.280.279
Tiền lãi phân bổ hàng năm	80.645.230	59.502.309
Cộng	1.895.102.887	1.379.782.588

10. Vay

10a. Vay ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (là bên liên quan) ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	230.500.000.000	(65.000.000.000)	185.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (là bên liên quan)	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	153.352.000.000	(153.352.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)	-
Vay cá nhân khác	-	222.173.454.911	(102.261.042.591)	119.912.412.320
Cộng	20.000.000.000	679.025.454.911	(393.613.042.591)	305.412.412.320

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 để bổ sung vốn lưu động, lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm.

10b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc để bổ sung vốn lưu động, khoản vay có kỳ hạn 2 năm, lãi suất vay từ 7%/năm đến 8,5%/năm tùy theo từng lần rút vốn. Khoản vay đã tất toán trong năm.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	42.500.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	52.500.000.000
Số trả trong năm	(95.000.000.000)
Số cuối năm	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (là bên liên quan)	1.800.000.000	769.315.068
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	2.594.250.000	4.840.807.000
Các nhà cung cấp khác	72.109.233	441.883.562
Cộng	4.466.359.233	6.052.005.630

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	80.462.485	57.270.175
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.106.485.897	197.837.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.040.983.407	3.739.373.909
Cộng	5.227.931.789	3.994.482.023

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.666.172.152	34.066.859.489
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
Các khoản điều chỉnh tăng	57.203.419.596	46.023.052.385
- Chi phí không được khấu trừ	7.576.872.484	242.181.621
- Lỗi đánh giá lại các tài sản tài chính	49.626.547.112	45.780.870.764
Các khoản điều chỉnh giảm	(60.587.078.554)	(53.952.777.115)
- Lỗi đánh giá lại các tài sản tài chính	60.265.852.748	53.952.777.115
- Chi phí trích trước năm trước	321.225.806	-
Thu nhập chịu thuế	36.282.513.194	26.137.134.753
Cổ tức được chia trong năm	(7.418.346.000)	(3.571.909.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi các năm trước được chuyển ⁽ⁱ⁾	-	(1.013.688.952)
Thu nhập tính thuế	28.864.167.194	21.551.536.301
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.772.833.439	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm ⁽ⁱⁱ⁾	(1.731.850.032)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.040.983.407	4.310.307.260

(i) Số lỗi được chuyển đã sử dụng trong năm trước được căn cứ vào Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 3997/QĐ-CT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

(ii) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.946.065	69.642.858
Chi phí quản lý khác	8.269.274.748	1.830.591.000
Cộng	8.534.220.813	1.900.233.858

14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ đánh giá tăng, giảm các tài sản tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

15. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá (VND/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	360.000.000.000	360.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	249.463.000.000	173.036.000.000
Công ty Cổ phần Máy Da Sài Gòn	-	75.826.000.000
Các cổ đông khác	110.537.000.000	111.138.000.000
Cộng	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	1.961.708.158.370	3.381.697.261.520
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	32.302.249.700	1.828.920.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	19.520.550.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	123.741.627.200	13.081.950.000
Cộng	<u>2.137.272.585.270</u>	<u>3.396.608.131.520</u>

2. Tiền gửi của nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>76.422.990.736</i>	<i>44.684.623.746</i>
Của nhà đầu tư trong nước	74.794.412.275	44.607.908.044
Của nhà đầu tư nước ngoài	1.628.578.461	76.715.702
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>57.457.713.700</i>	<i>26.647.330.900</i>
<i>Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>19.777.435</i>	<i>1.109.935</i>
Cộng	<u>133.900.481.871</u>	<u>71.333.064.581</u>

3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>76.422.990.736</i>	<i>44.684.623.746</i>
Của nhà đầu tư trong nước	74.794.412.275	44.607.908.044
Của nhà đầu tư nước ngoài	1.628.578.461	76.715.702
<i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>	<i>19.777.435</i>	<i>1.109.935</i>
Cộng	<u>76.442.768.171</u>	<u>44.685.733.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Các cổ phiếu niêm yết	12.665.940	332.663.188.700	301.128.040.218	31.535.148.482	24.736.374.167
Cộng	12.665.940	332.663.188.700	301.128.040.218	31.535.148.482	24.736.374.167
Lỗ bán					
Các cổ phiếu niêm yết	3.861.880	88.635.557.500	97.370.530.132	(8.734.972.632)	(6.725.340.173)
Trái phiếu	-	-	-	-	(840.000.000)
Cộng	3.861.880	88.635.557.500	97.370.530.132	(8.734.972.632)	(7.565.340.173)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch giảm do phân loại lại tài sản tài chính từ FVTPL qua AFS		
							Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
1.	Cổ phiếu niêm yết	28.900.103.856	28.875.713.400	(24.390.456)	1.107.449.504	(1.131.839.960)	(11.771.145.596)	60.265.852.748	(49.626.547.112)
	MWG	657.000	713.400	56.400	16.312	40.088	-	7.524.774.865	(7.524.734.777)
	BBT	-	-	-	7.392.449.980	(7.392.449.980)	(7.392.449.980)	-	-
	PAC	28.899.446.856	28.875.000.000	(24.446.856)	(1.881.122.060)	1.856.675.204	-	8.925.175.722	(7.068.500.518)
	Các cổ phiếu niêm yết khác			-	(4.403.894.728)	4.403.894.728	(4.378.695.616)	43.815.902.161	(35.033.311.817)
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	(10.700.000)	(10.700.000)	-	-	-	-
	TRI	10.700.000	-	(10.700.000)	(10.700.000)	-	-	-	-
	Cộng	28.910.803.856	28.875.713.400	(35.090.456)	1.096.749.504	(1.131.839.960)	(11.771.145.596)	60.265.852.748	(49.626.547.112)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS		
Từ tài sản tài chính FVTPL	7.418.346.000	2.914.909.500
<i>Cổ tức</i>	7.418.346.000	2.914.909.500
Từ tài sản tài chính HTM	7.105.933.924	6.981.999.441
<i>Lãi thực thu</i>	6.987.883.120	6.149.778.855
<i>Lãi trích trước</i>	118.050.804	832.220.586
Từ các khoản cho vay và phải thu	18.036.222.161	11.175.419.791
<i>Tiền lãi cho vay hoạt động Margin</i>	16.033.402.048	10.228.448.939
<i>Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng</i>	1.526.795.137	747.709.160
<i>Tiền lãi cho hoạt động bảo lãnh</i>	-	3.523.709
<i>Phí gia hạn nợ Margin</i>	476.024.976	195.737.983
Từ tài sản tài chính AFS	-	657.000.000
<i>Cổ tức</i>	-	657.000.000
Cộng	<u>32.560.502.085</u>	<u>21.729.328.732</u>
4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu môi giới	13.643.220.887	8.950.966.835
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	4.200.000.000	3.500.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.280.203.511	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	146.482.659	243.724.368
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	12.000.000	941.082.623
Doanh thu khác	258.523.254	70.199.485
Cộng	<u>19.540.430.311</u>	<u>13.705.973.311</u>
5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí giao dịch chứng khoán môi giới	3.390.435.982	2.262.588.741
Chi phí nhân viên	3.279.840.325	1.426.088.824
Chi phí công cụ dụng cụ	71.699.440	4.763.328
Chi phí khấu hao	2.401.926.200	1.164.592.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.930.375.122	2.872.128.578
Chi phí khác	242.028.751	189.794.608
Cộng	<u>12.316.305.820</u>	<u>7.919.956.654</u>
6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.538.732.287	10.872.881.802
Chi phí văn phòng phẩm	54.774.321	171.247.950
Chi phí công cụ, dụng cụ	282.296.620	220.348.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259.814.501	127.264.544
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.522.369.655	2.503.252.518
Các chi phí khác	3.160.617.201	2.633.110.865
Cộng	<u>23.821.604.585</u>	<u>16.531.105.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.717.008.755	28.122.170.953
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán khác để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.717.008.755	28.122.170.953
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	964	781

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành**
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Thu nhập</u>
Năm nay	
Ông Nguyễn Đông Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.087.260.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	883.560.000
Ông Trịnh Tấn Lực - Phó Tổng Giám đốc	695.480.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Giám đốc Tài chính	463.560.000
Cộng	<u>3.129.860.000</u>
Năm trước	
Ông Nguyễn Đông Hải – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.076.655.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu - Tổng Giám đốc	883.560.000
Ông Trịnh Tấn Lực - Phó Tổng Giám đốc	607.800.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Giám đốc Tài chính	426.060.000
Cộng	<u>2.994.075.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Các bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty mẹ cao nhất
Ông Đoàn Quang Sang	Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3		
Chi phí tiền điện, nước	173.936.044	88.567.009
Tiền thuê văn phòng	1.707.000.000	1.812.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán	781.756.523	672.155.743
Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán	12.718.221	18.260.449
Doanh thu lưu ký	30.114.280	-
Vay tiền	60.000.000.000	23.000.000.000
Lãi vay	867.764.385	24.475.562
Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn		
Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán	33.632.510	6.006.828
Doanh thu lưu ký	2.927.277	-
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán	-	110.958.096
Doanh thu lưu ký	363.732	-
Vay tiền	230.500.000.000	90.600.000.000
Lãi vay	2.215.260.274	769.315.068
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean		
Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán	342.221.074	31.452.886
Doanh thu lưu ký	787.840	-
Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán	86.301	-
Công nợ với các bên liên quan khác		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đoàn Quang Sang		
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Phí giao dịch chứng khoán	42.451.482	-
Tổng nợ phải thu bên liên quan	4.042.451.482	4.000.000.000
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	362.941
Vay phải trả	185.500.000.000	20.000.000.000
Lãi vay phải trả	1.800.000.000	769.315.068
Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	1.571.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	113.967	125.055.055
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.198.529	9.661.669
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.363.529.817	-
Tổng nợ phải trả các bên liên quan	190.685.842.313	20.905.966.706

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.812.000.000	1.812.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.812.000.000	3.619.035.616
Cộng	3.624.000.000	5.431.035.616

Công ty thuê tại Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 4 năm 6 tháng, hết hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, giá thuê có thuế giá trị gia tăng là 151.000.000 VND/tháng.

3. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Phương Thảo
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Hiếu
Tổng Giám đốc